

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

*Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc và
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
CÔNG TRÌNH 3
Năm 2015**



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
(AASCS)**

29 Võ Thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08). 38205.944 - 38205.947; Fax: 38205.942

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3*Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.*

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	03 – 05
Báo cáo Kiểm toán độc lập	06 – 07
Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	08 – 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2015	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2015	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm 2015	12 – 56



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con sau đây (gọi chung là Tập đoàn) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, lắp đặt.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh

1. **Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
2. **Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
3. **Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
4. **Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
5. **Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình**
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con hợp nhất: 4 công ty

1. Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số nhà 2A, đường QL 13, KP2, Phường Hiệp Bình Chánh, Q Thủ Đức Tp HCM

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %

2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lộc

Địa chỉ: Số 25, đường 270A, Khu nhà ở Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9, Tp. HCM.

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

3. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Và Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiếm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

4. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiến

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 63,69 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 63,69 %

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Phạm Văn Thúy	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Côi	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Soát	Thành viên
Ông Lê Văn Nhung	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên
Bà Nguyễn Kim Chính	Thành viên
Ông Đào Quốc Cường	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông Trần Quốc Đoàn	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Côi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quang Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Thuận	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

Ông Lê Văn Nhung
Ông Nguyễn Quang Vinh
Bà Nguyễn Kim Chinh

Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Vũ Bình Thiên	Trưởng ban
Ông Trần Minh Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Tập đoàn.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng theo quy định hiện hành, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2016

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc 

Trần Quốc Đoàn



Số: 353/BCKT/TC/2016/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP***(Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3)*

Kính gửi: - Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3.

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 31/03/2016, từ trang 08 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2016
Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính
Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN KT: 0479-2013-142-1

Kiểm toán viên

Đinh Thế Đường

Số Giấy Chứng nhận ĐKHN KT: 0342-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		616.716.587.377	438.890.856.976
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VL.1	72.627.368.036	51.930.477.820
1. Tiền	111		67.627.368.036	46.730.477.820
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	5.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VL.2	2.800.000.000	2.800.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.800.000.000	2.800.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		310.891.530.208	196.261.011.968
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VL.3	226.593.779.519	141.602.474.653
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VL.4	16.428.986.724	19.530.775.100
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VL.5a	69.540.507.127	36.775.013.191
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VL.6	(1.671.743.162)	(1.647.250.976)
IV. Hàng tồn kho	140		220.745.989.586	176.536.462.936
1. Hàng tồn kho	141	VL.7	220.745.989.586	176.536.462.936
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.651.699.547	11.362.904.252
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VL.10a	432.983.779	2.219.528.164
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VL.11	8.883.082.258	9.118.773.869
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	VL.15	335.633.510	24.602.219
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		75.218.573.652	67.779.870.801
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		6.754.092.110	81.576.539
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	VL.3	5.288.302.780	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	VL.4	1.384.212.791	
6. Phải thu dài hạn khác	216	VL.5b	81.576.539	81.576.539
II. Tài sản cố định	220		34.626.719.812	44.128.234.164
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VL.9	34.626.719.812	44.128.234.164
- Nguyên giá	222		126.200.927.218	120.622.168.646
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(91.574.207.406)	(76.493.934.482)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.096.719.928	1.073.265.382
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VL.8	1.096.719.928	1.073.265.382
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.741.041.802	22.496.794.716
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VL.10b	32.139.575.383	21.291.834.424
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VL.20	601.466.419	1.204.960.292
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		691.935.161.029	506.670.727.777

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		543.805.004.403	384.790.765.639
I. Nợ ngắn hạn	310		524.505.393.460	379.827.924.778
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.13	125.269.900.308	44.064.964.750
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.14	52.707.045.674	68.137.802.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.15	3.869.463.158	11.375.556.630
4. Phải trả người lao động	314	VI.16	11.896.527.554	17.483.428.981
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.17	40.056.078.553	24.133.839.418
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	VI.18	9.108.446.357	9.118.846.357
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.18	40.688.312.890	33.171.007.316
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.12a	237.766.573.605	164.618.661.949
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.19	2.000.000.000	5.000.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban điều hành	322	VI.21	1.143.045.361	2.723.817.151
II. Nợ dài hạn	330		19.299.610.943	4.962.840.861
1. Phải trả người bán dài hạn	331	VI.13	4.634.889.183	
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	VI.17	7.334.325.077	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		1.623.951.638	
7. Phải trả dài hạn khác	337	VI.18	1.425.182.548	45.603.898
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.12b	4.271.134.400	4.917.236.963
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.20	10.128.097	
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		148.130.156.626	121.879.962.138
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.22	148.130.156.626	121.879.962.138
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	61.169.920.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80.000.000.000	61.169.920.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.396.161.000	1.694.645.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.622.907.459	1.622.912.459
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(930.000)	(930.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		30.258.902.224	30.022.952.224
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.547.351.953	10.757.925.059
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		571.079.632	4.156.846.240
- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	421b		12.976.272.321	6.601.078.819
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.305.763.990	16.612.537.396
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		691.935.161.029	506.670.727.777

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chính

Chủ tịch HĐQT
(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Thủy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VII.1	560.584.536.858	485.917.303.928
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		560.584.536.858	485.917.303.928
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	508.688.832.946	434.161.131.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		51.895.703.912	51.756.172.020
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	652.012.990	518.632.073
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	16.254.843.414	16.554.177.182
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.254.843.414	16.554.177.182
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25			
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	16.501.955.851	24.436.067.456
11. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		19.790.917.637	11.284.559.455
12. Thu nhập khác	31	VII.5	752.478.101	2.932.872.835
13. Chi phí khác	32	VII.6	530.316.959	2.929.097.654
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		222.161.142	3.775.181
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.013.078.779	11.288.334.636
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	4.063.968.871	4.104.992.602
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VII.10	613.621.970	(1.204.960.292)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		15.335.487.938	8.388.302.326
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		12.976.272.321	6.601.078.819
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		2.359.215.617	1.787.223.507
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.121	1.163

011721
CÔNG TY
NHỆM HỮU
VỤ TƯ
INH KẾ
KIỂM TỐ
LIÊN NA
TP. HỒ

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Kim Chính

Lần này 31 tháng 3 năm 2016

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Văn Thúy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.013.078.779	11.288.334.636
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		15.162.694.353	17.531.137.484
- Các khoản dự phòng	03		(2.252.507.814)	5.000.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.685.387.354)	1.025.141.579
- Chi phí lãi vay	06		17.678.051.414	16.354.177.182
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(1.769.998.036)	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		47.145.931.342	51.398.790.881
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(96.668.200.348)	(33.485.530.522)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(42.439.528.614)	20.227.005.033
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		70.897.927.386	19.205.710.604
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.061.196.574)	7.103.991.116
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.341.389.419)	(17.067.653.443)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(5.956.446.635)	(5.384.674.739)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		35.452.105	3.727.255.044
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.613.471.790)	(4.000.517.712)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57.000.922.547)	41.724.376.262
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.927.902.276)	(6.700.552.816)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	296.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(1.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.320.075.801	518.632.073
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.607.826.475)	(7.385.920.743)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		23.106.211.000	1.095.385.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		419.985.490.606	287.613.229.630
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(347.483.681.513)	(318.734.098.977)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			(678.571.435)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.302.380.855)	(11.440.338.300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		85.305.639.238	(42.144.394.082)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		20.696.890.216	(7.805.938.563)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		51.930.477.820	59.736.416.383
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	72.627.368.036	51.930.477.820

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Nguyễn Kim Chính



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **Năm 2015**

I Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ Phần Đầu Tư và Xây Dựng Công Trình 3 được thành lập theo Quyết định số 4036/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ Giao thông Vận tải và Quyết định số 2411/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 08 năm 2004 về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3, trực thuộc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam của Bộ Giao thông Vận tải; theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300421520 đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 11 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng).

Trụ sở của Công ty tại: 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP.HCM.

a. Thông tin các chi nhánh: 8 chi nhánh

1. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 303
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
2. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 304
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
3. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 302
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
4. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp CK Và Xây Dựng
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
5. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp TV Thiết Kế Và Kiểm Định Công Trình
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
6. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 301
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh
7. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 tại tỉnh Quảng Ngãi
Địa chỉ: Số 315 khối 1, Thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi
8. Chi nhánh Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 – Xí nghiệp 305
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

b. Thông tin các Công ty con hợp nhất: 4 công ty

1. Công ty Cổ Phần Công Trình Thành Phát

Địa chỉ: Số nhà 2A, đường QL 13, KP2, Phường Hiệp Bình Chánh, Q Thủ Đức Tp HCM

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55 %



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

2. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Trường Lệ

Địa chỉ: Số 25, đường 270A, Khu nhà ở Nam Hòa, Phường Phước Long A, Quận 9, Tp. HCM.

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 53,10 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 53,10 %

3. Công ty TNHH MTV Cơ Khí Và Xây Dựng

Địa chỉ: Lô C7-1, Khu công nghiệp Hàm Kiệm 1, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 100 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 100 %

4. Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Nam Tiến

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú, Phường 4, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ lợi ích của công ty mẹ: 55,56 %

Tỉ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ: 55,56 %

2. Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng, lắp đặt.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất các cấu kiện kim loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Sửa chữa thiết bị khác.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu.
- Vận tải hành khách đường bộ khác.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.
- Xây dựng công trình công ích.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: Không

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu năm trước.

501172
CÔNG TY
THỰC HIỆN
VỤ TỰ
LÍNH KẾ
KIỂM T
TÀI NA
TP. HCM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

II Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. *Niên độ kế toán* của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:* Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty CP Đầu Tư Và Xây Dựng Công Trình 3 (Công ty mẹ) và 04 công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối hợp nhất.

IV Chế độ kế toán áp dụng:

1. *Chế độ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 161/2007/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.
2. *Hình thức sổ kế toán áp dụng:* Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

V Các chính sách kế toán áp dụng:

1. *Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển*
 - 1.1 *Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:* Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.
 - 1.2 *Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:*

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong năm được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

2. *Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:*

- 2.1 *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

4.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

4.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

5.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

5.2 Nguyên tắc kế toán TSCĐ thuê tài chính:

Thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê tài chính được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Thuế thu nhập} \\ \text{hoãn lại phải trả} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chênh lệch tạm} \\ \text{thời chịu thuế} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Thuế suất thuế thu nhập doanh} \\ \text{nghiệp hiện hành (\%)} \end{array}$$

Trường hợp tại thời điểm ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã biết trước có sự thay đổi về thuế suất thuế TNDN trong tương lai, nếu việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới đã có hiệu lực thì thuế suất áp dụng để ghi nhận thuế hoãn lại phải trả được tính theo thuế suất mới.

Cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả và Chênh lệch tạm thời:

- Cơ sở tính thuế của tài sản là giá trị sẽ được trừ khỏi thu nhập chịu thuế khi thu hồi giá trị ghi sổ của tài sản. Nếu thu nhập không phải chịu thuế thì cơ sở tính thuế của tài sản bằng giá trị ghi sổ của tài sản đó. Cơ sở tính thuế thu nhập của nợ phải trả là giá trị ghi sổ của nó trừ đi (-) giá trị sẽ được khấu trừ vào thu nhập chịu thuế khi thanh toán nợ phải trả trong các kỳ tương lai. Đối với doanh thu nhận trước, cơ sở tính thuế là giá trị ghi sổ của nó, trừ đi phần giá trị của doanh thu không phải chịu thuế trong tương lai.

- Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó. Chênh lệch tạm thời gồm 2 loại: Chênh lệch tạm thời được khấu trừ và chênh lệch tạm thời chịu thuế. Chênh lệch tạm thời chịu thuế là các khoản chênh lệch tạm thời làm phát sinh khoản thuế thu nhập phải trả khi xác định thu nhập chịu thuế trong tương lai khi giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán.

+ Chênh lệch tạm thời về thời gian chỉ là một trong các trường hợp chênh lệch tạm thời, ví dụ: Nếu lợi nhuận kế toán được ghi nhận trong kỳ này nhưng thu nhập chịu thuế được tính trong kỳ khác.

+ Các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả so với cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó có thể không phải là chênh lệch tạm thời về mặt thời gian, ví dụ: Khi đánh giá lại một tài sản thì giá trị ghi sổ của tài sản thay đổi nhưng nếu cơ sở tính thuế không thay đổi thì phát sinh chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên thời gian thu hồi giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế không thay đổi nên chênh lệch tạm thời này không phải là chênh lệch tạm thời về thời gian.

501172
CÔNG TY
HỮU HỮ
VỤ TƯ
ÍNH KẾ
KIỂM T
HÀ NA
- TP. HC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú – Phường 4 – Quận 5 – TP. Hồ Chí Minh.

+ Kế toán không tiếp tục sử dụng khái niệm “Chênh lệch vĩnh viễn” để phân biệt với chênh lệch tạm thời khi xác định thuế thu nhập hoãn lại do thời gian thu hồi tài sản hoặc thanh toán nợ phải trả cũng như thời gian để khấu trừ tài sản và nợ phải trả đó vào thu nhập chịu thuế là hữu hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải xác định các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế phát sinh trong năm hiện tại làm căn cứ xác định số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trong năm.

Việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm được thực hiện theo nguyên tắc bù trừ giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nay với số thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã ghi nhận từ các năm trước nhưng năm nay được ghi giảm (hoàn nhập), theo nguyên tắc:

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi nhận bổ sung số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh lớn hơn số được hoàn nhập trong năm;

- Nếu số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm, kế toán chỉ ghi giảm (hoàn nhập) số thuế thu nhập hoãn lại phải trả là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh nhỏ hơn số được hoàn nhập trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm không liên quan đến các khoản mục được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu phải được ghi nhận là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm.

Kế toán phải ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế không còn ảnh hưởng tới lợi nhuận tính thuế (khi tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán).

Việc bù trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ thực hiện khi lập Bảng cân đối kế toán, không thực hiện khi ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trên sổ kế toán.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.



- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính:

Các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuế tài chính của doanh nghiệp. Không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kể toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, phải theo dõi chi tiết nguyên tệ và thực hiện theo nguyên tắc:

- Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;
- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

10.1 Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.



10.2 Tỷ lệ vốn hoá chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ:
Không phát sinh.**11. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:**12.1 Vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

12.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:**13.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

13.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

13.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, giá vốn còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn); chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...

Đối với kinh doanh bất động sản, khi chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ, chứng từ về các khoản chi phí liên quan trực tiếp tới việc đầu tư, xây dựng bất động sản nhưng đã phát sinh doanh thu nhượng bán bất động sản, được trích trước một phần chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán. Khi tập hợp đủ hồ sơ, chứng từ hoặc khi bất động sản hoàn thành toàn bộ, thì phải quyết toán số chi phí đã trích trước vào giá vốn hàng bán. Phần chênh lệch giữa số chi phí đã trích trước cao hơn số chi phí thực tế phát sinh được điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán của kỳ thực hiện quyết toán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản phải tuân thủ theo các nguyên tắc sau:

- Chỉ được trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng và phải thuyết minh chi tiết về lý do, nội dung chi phí trích trước cho từng hạng mục công trình trong kỳ.
- Chỉ được trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành, được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn

hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (được xác định theo diện tích).

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

Khi bán sản phẩm, hàng hóa kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng



mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

15. **Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

16. **Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:**

a. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng:

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí bán hàng không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

Chi phí bán hàng được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

b. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp:

Các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.



17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

17.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;

18. Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>* Tiền mặt (VND)</i>	<i>23.268.516.016</i>	<i>17.483.269.173</i>
<i>* Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>44.358.852.020</i>	<i>29.247.208.647</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	44.190.016.695	29.214.331.341
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	152.173.778	2.562.833
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi Nhánh Chợ Lớn	2.032.942	2.024.716
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Nam SG	1.620.632	
- Ngân hàng Phát triển VN - CN Bình Thuận	13.007.973	28.289.757
<i>* Các khoản tương đương tiền</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.200.000.000</i>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (TGTK kỳ hạn 01 tháng)	600.000.000	
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam (TGTK kỳ hạn 03 tháng)	4.400.000.000	5.200.000.000
Cộng	72.627.368.036	51.930.477.820



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý
* Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.800.000.000		2.800.000.000	2.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát triển VN - CN.TPHCM (TGTK 12 tháng)	2.800.000.000		2.800.000.000	2.800.000.000
Cộng	2.800.000.000		2.800.000.000	2.800.000.000

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

- * Phải thu ngắn hạn của khách hàng
 - Cầu Maspero - Sóc trăng
 - Xi nghiệp Vật Tư Thiết Bị và XD 767 (BTNN)
 - Công ty CT GTCC - Đ. Quang Trung (BTNN)
 - Công ty Bauxit Lâm Đồng - TKV (BTNN)
 - Công ty TNHH Hải Trường
 - Hệ thống thoát nước + cống qua ĐS Biên Hòa
 - Đường ngang tại Km 1695 + 085 (gói thầu số 4)
 - Nhà tạm giữ công an Quận Ô Môn
 - DA Nam S. Hậu (C. Mái Dầm, Ngọn Ngang)
 - Gói thầu 17: Cầu Phó Sinh 2
 - Gói số 10: Cầu Đường Thét
 - Gói số 6A C. Kênh Thủy (QL91B) - Cần Thơ
 - Cầu đường ĐT843-Cầu Đường Gạo, Phú Hiệp
 - Cầu Vàm Đình - Tầm Bang
 - Cầu Hồng Ngự
 - Gói thầu 1: XD trụ chống va, cầu Cái Dối
 - Gói thầu 11A - XD cầu km 18+366 & 21
 - Cống thoát nước đường DT 829
 - Cầu Thủy Thuộc

Số cuối năm		Số đầu năm	
226.593.779.519	141.602.474.653		
6.281.200	6.281.200		
146.527.540	146.527.540		
106.447.895	106.447.895		
286.648.460	286.648.460		
178.735.190	178.735.190		
105.563.311	105.563.311		
110.058.000	110.058.000		
167.050.093	167.050.093		
	420.458.546		
1.855.640.000	1.121.738.000		
1.127.966.000	52.733.739		
236.673.333	236.673.333		
94.698.000	94.698.000		
17.212.000	17.212.000		
11.361.343.000			
1.789.832.000	1.789.832.000		
625.188.000	625.188.000		
997.000	997.000		
	323.325.053		



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- CD mới các cầu đường liên ấp 1,2 Bình lợi	164.375.000	6.272.628.000
- GT số 3: khu tường niệm dài LS tết Mậu Thân	700.602.000	700.602.000
- Gói 5: Thăm nhựa Cầu Bến Long, Xáng	72.000.000	72.000.000
- Gói 6B: Thăm nhựa đoạn km 47-57 QLK-PH	299.420.000	305.531.000
- Gói 6B: SC đường Cầu Từ Tảo + Bảy Quang	9.858.000	9.858.000
- Gói 20: Đường công vụ tỉnh lộ 21	351.009.000	383.023.000
- Gói 1: XD bến phà A&E - DA phà Đại Ngãi		26.000.000
- Gói 1 thầu B2-26: Cầu Rọ tượng - Khánh Hòa	10.477.513.704	5.887.566.462
- SCL Giao ke và mái che 2 ga Sài Gòn		2.695.252.000
- SCL bãi hàng giữa đường 83-84		1.479.242.000
- Gói 1: nâng cấp MR bến phà Cát Lái		3.064.584.000
- Cầu vượt DS Mỹ Phước - Tân Vạn - Bình Dương		5.312.500.000
- CTGT & HTTN khu dân cư TĐC Long Hậu	570.306.731	2.015.813.029
- GT22 : Thăm BTN QL 50 (km 47-71; 74-80)	440.000.000	4.238.048.000
- Cầu thép vòng xoay Hàng xanh	233.388.000	233.388.000
- Lềm nền hạ tại khu Depot	3.388.603.646	3.388.603.646
- Hệ thống thoát nước tại khu Depot	4.716.964.324	3.385.352.328
- Công việc XL tại khu Depot	838.042.109	921.454.151
- Gói thầu XL CP1D- XD 7 cầu ĐS		9.067.447.908
- SCL cầu 1087-TCT ĐS VN	3.325.670.000	
- Km 1651-1653 (Ray, lập lách GTGC)		477.495.000
- Thay ray Km1711-1721 (Ray GTGC)		142.274.000
- Gói số 11: CT ĐS Biểu Nghi - Hạ Long	4.614.327.000	3.766.347.000
- Gói số 2 QL 28: Km 16-18	441.202.328	
- Gói số 1 QL 28 : Km 14-16	1.231.604.793	
- Gói thầu B2-5 cầu Đak pry	596.257.171	596.257.171
- Mở rộng ĐN Km 1710 + 862 - DT An	1.651.389.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Gói 8/KV3: 11 cầu Tuyến ĐS : HN-TP. HCM	13.565.757.500	
- XD tuyến tránh phía Hòa Nghĩa cầu Chợ Lách	8.310.842.343	2.332.887.808
- Gói thầu WB4 - 15		3.348.421.194
- Gói thầu WB4 - 12 (Công ty 6)		576.328.987
- XD mới cầu đường bộ Đồng Nai	41.576.501.000	39.963.776.024
- XD 03 hầm chui và 8 ĐN GD 2 KH 1856	7.464.708.000	7.464.708.000
- GT số 10: XD 01 hầm, 33.31 km hàng rào ATDS	273.293.000	550.695.000
- Công Trình: Di dời ga Gò Vấp	7.892.902.500	14.024.131.500
- Công Trình: 05 Cầu treo Tây nguyên	3.164.737.123	
- TC bù lún 2 đầu khu CN Long Hậu	29.125.518	
- CC VT và TC đường nội bộ DA Vũng Me - NT	134.679.499	
- HT thoát nước mưa ngoài trời DA KS Vinperm - NT	18.793.117	
- CT TTTM Vincom An Giang	25.023.307.470	
- CC D/vụ do đặc nhiệt độ ray	494.420.087	
- TC ĐS Cầu Hitachi ST1, ST2 - Cửa ông	7.040.000.000	
- Khác	36.005	449.010.125
- Gói thầu số 9	13.303.067.000	
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Huyền Minh	11.665.422.595	
- Ban quản lý các dự án Đường Thùy	7.592.914.122	
- Các công trình gói CP2 - Yên Bái	5.504.550.210	4.434.689.539
- Công ty CP Vật tư Thiết Bị & XD Công Trình 624	4.288.483.922	531.404.296
- Ban Quản lý dự án Đường Sắt Khu Vực 2	2.374.387.000	
- Công trình Xây dựng Cảng Sóc Trăng	2.108.149.000	1.710.699.000
- Công trình Cầu Thống Lĩnh, Cổng Đập Đá	1.892.595.000	
- Công ty TNHH Hoàng Lộc	1.310.000.000	1.440.000.000
- CN Công ty TNHH MTV DV Công ích TNXP- TT ĐT và XD TNXP	1.022.630.400	1.022.630.400
- Công ty CP Công Trình Thành Phát	1.013.022.525	1.013.022.525



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty Cổ phần XD và TM Vạn Phúc	834.380.030	
- CN Công ty CP MCo Việt Nam (TP. Hà Nội)	555.580.000	755.580.000
- Công trình Cầu cống số 2	388.292.437	388.292.437
- Công ty TNHH Tư Vấn XD Trần Gia	205.445.000	
- Ban Quản Lý Dự án Huyện Châu Thành	173.091.000	173.091.000
- Ủy Ban Nhân Dân Xã An Khánh	138.431.000	
- Công ty Cổ Phần BETON 6		
- Công ty Cổ Phần VLXD Thế Giới Nhà	439.200.000	439.200.000
- Xi Nghiệp Xây Dựng Công Trình		336.022.500
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Lĩnh Nam		80.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Phú Lâm	47.740.000	47.740.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Đồng	28.550.000	28.550.000
- Xi Nghiệp 301 - Công ty Cổ Phần ĐT & XD CT 3	8.679.000	8.679.000
- Xi Nghiệp 304 - Công ty Cổ Phần ĐT & XD CT 3	1.000.000	1.000.000
- Liên Danh Namkwang - Sampyo	3.169.094.025	
- Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Suối Hoa	240.100.000	
- Công ty Cổ phần XDCT và Thương Mại 124	195.076.000	195.076.000
- CN Công ty Cổ phần Vật Tư & XDCT Tại Cần Thơ	13.765.263	13.765.263
- Công ty TNHH DV-TM-SX Xây Dựng Đồng Mè Kổng	180.000.000	41.640.000
- Công ty Thái Bình Dương - CN Long An	571.637.000	
* Phải thu dài hạn của khách hàng	5.288.302.780	
- Dự án Nam Sông Hậu (Cầu Mái Dầm + Cầu Ngọn Ngang)	420.458.546	
- Km 1651-1653 (Ray, lếp lách GTGC)	477.495.000	
- Thay ray Km1711-1721 (Ray GTGC)	142.274.000	
- Gói thầu WB4 - 15	3.348.421.194	
- Gói thầu WB4 - 12 (Công ty 6)	576.328.987	
- Cầu Thầy Thuốc	323.325.053	
Cộng	231.882.082.299	141.602.474.653



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp. HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

* Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH MTV SX TM DV XD Minh Thành

- CN Công ty CP Thành Tân An

- Công ty CP Bé tông 620 Long An

- Công ty TNHH XD Bảo Nam Long

- Công ty TNHH XD và cho thuê Thiết Bị Kiến Minh Tâm

- Công ty TNHH kỹ Thuật Đồng Thuận Phát

- Công ty CP ĐT XD Tam Bình

- Cửa hàng điện máy Sáu hằng

- Công ty TNHH Trường Thắng

- Công ty CP ĐT XD số 10

- Công ty TNHH MTV Ngân nguyên

- Doanh nghiệp tư nhân Linh Trung

- Lữ Văn Nguyên

- Các nhà cung cấp khác

- Công ty TNHH Đại Đồng

- Công ty TNHH thép Tân Thắng Lợi

- Công ty TNHH XD Gt Việt Phương

- Công ty TNHH MTV ĐT & XD CT Nam Việt

- Công ty TNHH Tuấn Cường

- Công ty TNHH Tiến Cường

- Công ty TNHH XD Công trình Hùng Vương

- Công ty TNHH XD TM TH Thịnh Hưng

- Công ty TNHH Phúc An

- Công ty TNHH XD TM Lê Thọ

Số cuối năm	Số đầu năm
16.428.986.724	19.530.775.100
62.998.497	86.486.498
	63.235.920
	64.262.760
	77.592.000
134.917.200	
	276.655.423
210.000.000	
59.240.000	
83.970.000	
97.140.393	
66.000.000	
148.595.850	
404.745.986	
148.297.246	88.220.000
491.453.000	
192.200.062	
187.924.170	
10.230.000	400.000.000
	98.830.000
	240.494.861
	266.973.587
	220.000.000
205.000.000	
60.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Các nhà cung cấp khác			
- Công ty TNHH MTV VTHH Đường sắt	128.068.750	208.763.351	
- Công ty TNHH MTV QLDS Phú Khánh		85.151.700	
- Công ty CP XD & TM Đất Việt		362.264.033	
- Công ty CP PTTM Bình Minh	49.659.000		
- Các nhà cung cấp khác	62.162.290	80.670.547	
- Công ty Lâm Giang		83.987.500	
- Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát		265.400.000	
- Công ty CP Đại Lâm	89.532.330	90.147.780	
- Công ty CP PT Thương Mại Bình Minh	50.000.000		
- CH máy và thiết bị XD Phú Thái	34.000.000		
- Công ty TNHH SX và TM Cường Phát	70.000.000		
- Công ty CP XD Quảng Ninh	53.960.500		
- Các nhà cung cấp khác	30.082.287	17.752.487	
- XN tư vấn CTGT 5.1		187.916.376	
- CH VLXD Sáng Thiện		56.800.000	
- Công ty TNHH KD Dv TM Thanh Bình		100.000.000	
- DN TM & XD Nhật Tảo		60.845.000	
- Công ty TNHH 71		1.408.852.500	
- Công ty TNHH IS Sài Gòn		129.397.576	
- Công ty TNHH Sông Hồng		193.582.455	
- Công ty CP ĐT TB CN Sài Gòn	115.813.225		
- Công ty CP QL - XD đường bộ Khánh Hòa	194.000.000		
- Công ty TNHH XD KT CB PUHA	187.397.000		
- Các nhà cung cấp khác	31.274.149	204.101.970	
- Công ty TNHH Đức Thịnh		162.743.300	
- CN Công ty CP XNK VT TB DS Lào Cai		56.500.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty TNHH vận tải HH ĐSát			103.901.100
- Công ty CP bê tông 620 Châu Thới	3.070.800.000		
- Điện lực Dĩ An			60.000.000
- Công ty TNHH DV TV TC và Kiểm Toán Phía Nam	46.750.000		
- Công ty CP DV ĐT XD & TM Tân Thắng Lợi			1.600.345.405
- TT Nghiên cứu CN & TB Công nghiệp			79.505.700
- Công ty QLĐS Sài Gòn			500.000.000
- CN Công ty CP CT 6	515.713.412		515.713.412
- Công ty TNHH Thanh Bình	100.000.000		
- Các nhà cung cấp khác	161.390.880		222.756.869
- Công ty TNHH Xây Dựng Minh Chính	898.659.000		
- Công ty CP XD Công Trình Giao Thông Đồng Tháp	468.864.000		
- Công ty Cổ Phần Thái Cường	443.593.600		
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Vĩnh Phát	300.000.000		300.000.000
- Công ty TNHH Vĩnh Hưng Thịnh	300.000.000		
- DNTN VLXD Thủy Văn	194.994.000		
- Nguyễn Thanh Liêm	150.000.000		
- Công ty TNHH Cơ khí và Xây Dựng Thái Hoàng	150.000.000		150.000.000
- Công ty CP Dầu Tư Xây Dựng Trường Sơn	150.000.000		150.000.000
- Công ty TNHH Cao Su Phú Việt	143.996.400		
- Công ty TNHH Xây Dựng 68 Hoàng An	122.000.000		100.000.000
- Nguyễn Hùng Sơn	110.000.000		
- Công ty TNHH XD TM Nam Hải	100.000.000		
- Công ty TNHH CTGT Tây Nam Á	87.949.200		
- Công ty CP Dầu Tư và XDTH Miền Trung	75.000.000		75.000.000
- Công ty CP Cơ Khí Tinh Súc Trắng	2.500.000		100.000.000
- Công ty điện lực Sóc Trăng	1.149.062		116.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Vĩnh Phú			689.450.000
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN			3.743.900.000
- Các khách hàng khác, công trình khác			723.044.676
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Xây Dựng 121 - CIENCOI	816.330.083		514.626.750
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Nghĩa Bình	514.626.750		500.000.000
- Công ty Cổ Phần Công Trình 2	-		500.000.000
- Công ty Cổ Phần BETON 6	-		350.775.300
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Yên Lào	144.821.715		303.008.583
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn NaNo	160.000.000		160.000.000
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Trung Anh	113.616.888		113.616.888
- Công ty Công Nghiệp Hóa Chất Mỏ Tây Bắc	-		101.859.203
- Cửa hàng Xăng Dầu Bắc Thị Trấn Châu ở	-		85.888.770
- Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Minh Đức	-		78.045.000
- Công ty TNHH TV DV Xây Dựng Thủy Lợi Tân Anh Tú	-		73.486.500
- Công ty Cổ Phần Bê Tông Hòa Cầm - Intimex	1.540.000		63.422.500
- Công ty Cổ Phần Bê Tông Sông Hồng	61.000.000		61.000.000
- Công ty TNHH Thương Mại Xây Dựng Văn Tài Thành Công	57.000.000		57.000.000
- DNTN Long Phát	54.810.031		53.450.019
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Xây Dựng Bá Thịnh	50.011.610		50.011.610
- Công ty Cổ Phần Phương Nam	-		50.000.000
- Công ty TNHH Phước Thiện An	56.549.576		37.300.000
- Công ty Xăng Dầu Lào Cai	-		34.632.730
- Công ty TNHH Một Thành Viên Kim Tuyền	-		20.000.000
- Công ty TNHH MTV TM DV XD Môi Trường Xanh	19.045.360		19.045.360
- Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Mai Linh	5.232.000		10.000.000
- Nguyễn Thị Liễu	-		7.500.000
- Công ty TNHH TM Vận Tải Xuân Bảo	6.840.000		6.840.000
- Doanh Nghiệp Thương Mại Xây Dựng Hồng Nga	-		2.716.500
- H.T.X Dịch Vụ Tổng Hợp Hương Giang	2.535.686		2.535.686
- Công ty Cổ Phần Đà Mỹ Trang	5.358.000		2.418.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty TNHH Hòa Bình	949.252	949.252
- Công ty Cổ Phần Hà Lan	-	650.130
- Công ty Xăng Dầu Yên Bái	131.261	131.261
- Chi nhánh Xăng Dầu Đắk Nông	-	15.640
- Công ty TNHH Việt Hải Long		
- Bùi Minh Quang	984.245.994	
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Xây Dựng Đại Tín Đức Hoà	250.000.000	
- Công ty CP Dầu Tư Thương Mại và Xây Dựng 18A	206.800.000	
- Lê Quang Trán	159.500.000	
- Huỳnh Văn Nhân	114.605.300	
- Công ty TNHH Châu Phương Ngọc	74.000.000	
- DNTN Giang Sơn	68.909.940	
- Nguyễn Thị Nữ	67.075.906	
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Tư Vấn Và Xây Dựng Vĩnh Hưng	64.700.000	
- Công ty CP Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng	41.200.000	
- Đinh Văn Châm	40.550.000	
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Hòa Như	35.900.000	
- Công ty TNHH Thương Mại Thép Hoàng Kim	35.200.000	
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Võ Đức Anh	33.788.000	
- Lê Trọng Đồng	29.908.000	
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Thương Mại Sản Xuất Minh Nguyễn	26.650.000	
- Công ty TNHH I S Sài Gòn	20.000.000	
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuân Thắng	17.982.096	
- Công ty Xăng Dầu Sông Bé - TNHH MTV	15.125.400	
- Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Lâm Đồng	13.896.800	
- Điện Lực An Nhơn - Công ty Điện Lực Bình Định	11.742.492	
- Công ty CP Dịch Vụ Đô Thị Đà Lạt	7.300.000	
- Huỳnh Tâm	7.000.000	
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Bông Sen - Khách Sạn PALACE Sài Gòn	6.580.000	
- Điện Lực Bảo Lâm	6.019.125	
	5.184.042	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Điện Lực Đà Lạt	5.000.000	
- Công ty Cổ Phần TS24	3.408.900	
- Công ty TNHH Một Thành Viên Trường Hải	2.900.000	
- Công ty TNHH MTV Xăng Dầu Quảng Ngãi	2.826.850	
- Công ty TNHH Xăng Dầu Lâm Đồng	2.181.650	
- Công ty Cổ Phần Tân Thành Đô CITY Ford	1.903.700	
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Lĩnh Nam	50.000.000	50.000.000
- Công ty Cổ Phần Dầu Tư Xây Dựng & Thương Mại Quốc Tế	1.544.000	1.544.000
- Ngô Huy Nam	10.000.000	10.000.000
- Công ty Cổ Phần Beton 6		1.098.643.300
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hồng Thái Gò Công	100.000.000	100.000.000
- Công ty Cổ Phần PTHT & BĐS Thái Bình Dương - CN Long An	394.000.000	100.000.000
- DNTN Thịnh Đức		30.000.000
- Công ty TNHH MTV ATGT Ngọc Quyền	7.718.000	7.718.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Xăng Dầu Tiền Giang		3.499.962
- DNTN Bảo Khang		1.199.370
- Công ty Cổ Phần Diệu Cường	60.480.000	
- Công ty TNHH Dịch Vụ An Toàn Đường Thủy số 1	55.000.000	
- Công ty TNHH xây dựng công trình Long An	37.800.000	
- Công ty TNHH MTV điện lực Đồng Nai - điện lực Nhơn Trạch	8.115.228	
- Công ty TNHH Thương Mại thép Bình Nguyên	8.005.600	
- Nhà máy bê tông Nhơn Trạch - Công ty TNHH Xây Dựng Lê Phan	11.820.000	
* Trả trước cho người bán dài hạn	1.384.212.791	
- Công ty CP Bê tông 620 Long An	64.262.760	
- Công ty TNHH XD Bảo Nam Long	77.592.000	
- Công ty TNHH Máy và Thiết bị Thiên Vũ Ngô	52.400.000	
- Công ty TNHH Tuấn Cường	98.830.000	
- Công ty TNHH Tiến Cường	240.494.861	
- Công ty TNHH XD TM TH Thịnh Hưng	220.000.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty TNHH MTV VTHH Đường sắt
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh
- Công ty Lâm Giang
- Công ty TNHH TV-XD Tiến Phát
- Cty CP PT & KD nhà Ninh Thuận
- CN Công ty CP XNK VT TB ĐS Lào cai
- Điện lực Dĩ an

85.151.700
32.124.000
83.987.500
265.400.000
47.469.970
56.500.000
60.000.000

Cộng

17.813.199.515 19.530.775.100

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
5. PHẢI THU KHÁC				
* Phải thu ngắn hạn khác	69.540.507.127	-	36.775.013.191	-
- Phải thu khác	25.874.311.938		6.603.937.466	
- Các khoản tạm ứng	43.561.195.189		29.622.018.290	
- Kỳ quỹ ngắn hạn	105.000.000		549.057.435	
* Phải thu dài hạn khác	81.576.539	-	81.576.539	-
- Kỳ quỹ dài hạn	81.576.539		81.576.539	
Cộng	69.622.083.666		36.856.589.730	

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
6. NỢ XẤU				
* Phải thu khách hàng				
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Trên 5 năm	1.125.523.545	Trên 5 năm	1.101.031.359
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Trên 3 năm	546.219.617	Trên 3 năm	546.219.617
Cộng		1.671.743.162		1.647.250.976



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

7. HÀNG TỒN KHO

* Giá gốc hàng tồn kho

- Nguyên liệu, vật liệu

- Công cụ, dụng cụ

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- Hàng hóa

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
220.745.989.586	-	176.536.462.936	-
27.517.716.237		24.957.159.945	
		111.109.091	
193.111.598.636		151.276.345.733	
116.674.713		191.848.167	
220.745.989.586		176.536.462.936	

8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

* Xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí lắp đặt trạm điện

- Chi phí thực hiện dự án NM Bình Thuận

Cộng

Số cuối năm		Số đầu năm	
Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1.096.719.928	1.073.265.382	1.096.719.928	1.073.265.382
340.363.888	340.363.888	340.363.888	340.363.888
756.356.040	648.356.040	756.356.040	648.356.040
1.096.719.928	1.073.265.382	1.096.719.928	1.073.265.382



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	Tổng Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11.485.530.051	91.112.675.984	17.296.489.896	727.472.715	120.622.168.646
- Mua trong năm		3.843.452.727	1.817.727.274		5.661.180.001
- Cải tạo sửa chữa					-
- Đầu tư XD CB hoàn thành					
- Thanh lý, nhượng bán		82.421.429			82.421.429
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	11.485.530.051	94.873.707.282	19.114.217.170	727.472.715	126.200.927.218
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.125.255.705	60.249.367.691	12.685.775.326	433.535.760	76.493.934.482
- Khấu hao trong năm	1.265.485.627	11.209.417.269	2.558.632.847	129.158.610	15.162.694.353
- Tăng khác					
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		82.421.429			82.421.429
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	4.390.741.332	71.376.363.531	15.244.408.173	562.694.370	91.574.207.406
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	8.360.274.346	30.863.308.293	4.610.714.570	293.936.955	44.128.234.164
2. Tại ngày cuối năm	7.094.788.719	23.497.343.751	3.869.808.997	164.778.345	34.626.719.812

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a- Chi phí trả trước ngắn hạn

b- Chi phí trả trước dài hạn

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

432.983.779

2.219.528.164

32.139.575.383

21.291.834.424

32.572.559.162

23.511.362.588

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

* Ngắn hạn

- Thuế GTGT được khấu trừ

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

8.883.082.258

9.118.773.869

8.883.082.258

9.118.773.869

8.883.082.258

9.118.773.869

1172
NG T)
HỆ NH
U T U
H K E
M T
A N U
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty TNHH TM kỹ thuật SG Thuận Tín	203.906.562	203.906.562	120.124.609	120.124.609
- Công ty TNHH TM XD Phú an Nhân	119.595.860	119.595.860	206.600.001	206.600.001
- Công ty TNHH Đạt Nam Long	182.376.968	182.376.968	84.000.400	84.000.400
- CN Công ty CP Thành Tân An	70.489.320	70.489.320	470.789.870	470.789.870
- Các nhà cung cấp khác	2.753.078.918	2.753.078.918	82.500.000	82.500.000
- Công ty TNHH XD & TM Tuấn Tú			64.108.000	64.108.000
- Công ty TNHH MTV Lâm Dương Quảng Trị				
- Công ty TNHH TM VLXD An Khang	427.076.165	427.076.165		
- Công ty TNHH MTV DV TM Cương Tuyển	82.500.000	82.500.000		
- Công ty TNHH MTV QLDS Phú Khánh				
- Công ty CP ĐT Xây Dựng TM DV Khải Hưng	97.120.474	97.120.474		
- Công ty TNHH XD Kim Thanh	72.800.000	72.800.000		
- Công ty TNHH XD TM Thành Hưng	210.000.000	210.000.000		
- Công ty CP Vũ Đức	198.432.980	198.432.980		
- Công ty TNHH KD Minh Đức	69.993.000	69.993.000		
- Các nhà cung cấp khác	80.803.690	80.803.690		
- Công ty CP XD & TM Đất Việt	303.656.524	303.656.524		
- Các nhà cung cấp khác	2.955.500	2.955.500		
- Công ty TNHH XD TM & DV XNK Hải Sơn			166.515.860	166.515.860
- Công ty QLDS Phú Khánh				
- Công ty CP Đá Mỹ Trang			2.976.800	2.976.800
- Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hóa ĐS			83.901.973	83.901.973
- Công ty TNHH Tân Á			117.876.000	117.876.000
- Công ty TNHH Hữu San			47.760.000	47.760.000
- Các nhà cung cấp khác			73.739.800	73.739.800
- Công ty TNHH Sơn Thế hệ Mới				
- Công ty TNHH SX & TM Tân Gia Định			4.090.220	4.090.220
- Công ty TNHH MTV TMDV & SX Hạo Đức			302.082.000	302.082.000
			60.930.900	60.930.900
			589.319.231	589.319.231



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp. HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- DNTN Tân Phú Định				75.178.450	75.178.450
- CN Công ty CP SX TM Hưu nghị - NM Bình Dương				56.699.170	56.699.170
- Công ty TNHH MTV Anh Vạn Phát				246.269.470	246.269.470
- Công ty CP XD Linh Nam				508.651.961	508.651.961
- Công ty TNHH MTV Đại Tân Thắng				275.969.165	275.969.165
- Công ty TNHH TM DV Thuận Minh				34.500.000	34.500.000
- Công ty TNHH SX TM XNK Đức Thịnh				1.193.709.276	1.193.709.276
- Công ty Thiết bị Phụ Tùng Hiếu Hưng				539.177.200	539.177.200
- Công ty TNHH XD TM DV Khang Thái				148.062.750	148.062.750
- Công ty CP Đầu tư TM Kim Bảo				474.708.155	474.708.155
- CN Xăng Dầu Ninh Thuận				168.131.130	168.131.130
- Công ty TNHH Uni Eastern Việt Nam				391.414.999	391.414.999
- Công ty TNHH CN KT Việt Nam				110.712.600	110.712.600
- XN Tư Vấn XDCT giao thông 5.1				100.485.000	100.485.000
- Công ty TNHH KT CN An Thịnh Phát				147.556.000	147.556.000
- DN TM & XD Nhật Tảo				99.380.000	99.380.000
- Công ty TNHH IS Sài Gòn				163.975.000	163.975.000
- Công ty TNHH MTV XD & TM Thuận Hoàn				366.945.478	366.945.478
- CN Công ty CP Kim Khí Miền trung tại Đắk Lắk				84.000.000	84.000.000
- Các nhà cung cấp khác				97.812.061	97.812.061
- Công ty CP VLXD Thế giới Nhà				214.015.940	214.015.940
- Công ty TNHH TB & PT Hiếu Hưng				221.422.000	221.422.000
- Công ty TNHH KD XNK Minh Đức				22.017.920	22.017.920
- Công ty CP XD CT hàng không 647				251.756.008	251.756.008
- Công ty TNHH Kỹ thuật Nền Móng & XD Hồng Đức				676.765.450	676.765.450
- Công ty TNHH MTV Vật tư ĐS Đà Nẵng					
- Công ty CP ĐT Công trình Hà Nội					
- Công ty TNHH XD TM DV Linh Tú				87.725.000	87.725.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty CP Bê Tông Ly Tâm Thủ Đức - Long An	1.425.213.020	1.425.213.020	
- Công ty CP Cơ Khí cầu đường Hà Ninh	582.780.195	582.780.195	
- Công ty TNHH MTV Kiều Phong ĐT	1.272.000.000	1.272.000.000	
- Công ty TNHH Sóng Hồng	407.848.595	407.848.595	
- Công ty TNHH thép IPC Sài Gòn	850.678.602	850.678.602	
- Công ty CP thiết bị vật tư TN Việt Nam	130.680.000	130.680.000	
- Công ty CP DV ĐT XD & TM Tân Thắng Lợi	749.909.679	749.909.679	
- Công ty CP Khoáng Sản & VLXD Lâm Đồng	180.820.000	180.820.000	
- Công ty CP Thương Mại và Vận Tải Đức Minh	415.800.000	415.800.000	
- Công ty CP ĐT Thương Mại và Xây Dựng 18A	350.000.000	350.000.000	
- Công ty Quản lý ĐS Sài Gòn	71.366.751	71.366.751	
- Các nhà cung cấp khác	1.340.704.126	1.340.704.126	163.556.201
- Công ty Cổ phần XD và TM Vạn Phúc	16.868.516.690	16.868.516.690	10.641.854.441
- Công ty Cổ phần Bê Tông 620 - Châu Thới	9.334.280.000	9.334.280.000	3.850.000.000
- Công ty TNHH MTV Toàn Khang Tháp Mười	6.246.720.207	6.246.720.207	
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Vĩnh Phú	3.775.628.214	3.775.628.214	
- Công ty Cổ phần Đầu Tư Công Trình Hà Nội	3.108.776.850	3.108.776.850	2.745.100.728
- Công ty Cổ phần Thép Quang Tiến	3.627.550.427	3.627.550.427	2.264.160.975
- Công ty TNHH MTV VLXD Lê Hoàng Minh	3.032.372.500	3.032.372.500	
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Thanh Hóa	2.598.093.000	2.598.093.000	
- Công ty Cổ phần Đường Sắt Phú Khánh	2.505.500.115	2.505.500.115	
- Công ty Cổ phần XD Công Trình Giao Thông Bến Tre	307.071.942	307.071.942	807.071.942
- Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây Dựng 121 - CIENCOI	485.560.000	485.560.000	485.560.000
- Công ty TNHH MTV - XD Huy Hoàng	484.918.025	484.918.025	484.918.025
- Công ty TNHH Xây Dựng Bình Yên	446.052.885	446.052.885	459.430.375
- Công ty TNHH MTV Thành Nguyên Vĩnh Long	93.059.390	93.059.390	410.190.679
- Công ty Cổ phần XD Minh Khoa	1.086.457.500	1.086.457.500	391.045.000
- Công ty TNHH MTV QLD S Thuận Hải	1.692.314.000	1.692.314.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

-CN Công ty CP ĐT PT Công Nghiệp tại TP.HCM	1.557.976.541	1.557.976.541	
- Công ty TNHH TM VLXD An Khang	1.280.231.854	1.280.231.854	
-CN Công ty TNHH MTV Xây Dựng Lê Minh - Xưởng Cơ Khí	1.248.845.886	1.248.845.886	
- Các đối tượng khác	20.171.492.940	20.171.492.940	424.347.993
- Công ty TNHH MTV Quản lý đường sắt Quảng Bình	1.017.653.500	1.017.653.500	563.334.061
- Công ty CP Xây dựng Công trình Hà Nội	277.546.344	277.546.344	1.660.383.660
- Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lạc	1.013.022.525	1.013.022.525	1.013.022.525
- Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Vật Tư Thiết Bị Đường Sắt	908.560.432	908.560.432	1.444.303.850
- Công ty TNHH Xây Lắp Công Trình Hồng Toàn	730.465.750	730.465.750	1.062.415.000
- Công ty TNHH Một Thành Viên Chung Phát	509.571.360	509.571.360	1.009.571.360
- Công ty TNHH Xây Dựng Thành Công	2.274.908.823	2.274.908.823	921.721.098
- Công ty TNHH Xây Dựng và TM Đức Toàn	20.053.396	20.053.396	595.133.396
- Công ty TNHH Hữu San	466.595.054	466.595.054	480.325.089
- Công ty TNHH T. Mai và D. Vụ Tổng Hợp Thọ Trường	68.900.000	68.900.000	428.799.050
- Lê Tổ Tâm	385.425.000	385.425.000	385.425.000
- DNTN Lê Tâm	577.909.153	577.909.153	138.205.000
- Công ty TNHH MTV Viễn Dung	425.591.700	425.591.700	133.705.398
- Công ty TNHH SX TM và DV Phong Quang	51.496.599	51.496.599	130.680.000
- Công ty TNHH Xây Dựng và TM Hoàng Long	11.000.000	11.000.000	80.686.972
- Công ty CP Việt Trung Xó	38.153.429	38.153.429	70.372.939
- Công ty TNHH MTV Đình Diễm	47.080.000	47.080.000	62.500.000
- Trung Tâm Kiểm Định Kỹ Thuật An Toàn Khu Vực II	40.950.000	40.950.000	40.950.000
- Công ty TNHH DL TM SX XD Đình Mạnh	8.000.360	8.000.360	40.516.270
- Phải trả cho người bán khác	725.953.685	725.953.685	307.272.717
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Nghĩa Bình	1.520.901.300	1.520.901.300	
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Thanh Hóa	1.052.936.244	1.052.936.244	
- Công ty Cổ Phần Công Trình Vạn An	2.544.563.000	2.544.563.000	
- Công ty Cổ Phần Công Trình 2	2.428.816.593	2.428.816.593	



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty TNHH MTV Thông Tin Tin Hiệu Đường Sắt Đà Nẵng	961.612.000	961.612.000	
- Công ty TNHH MTV Quản Lý Đường Sắt Phú Khánh	881.995.000	881.995.000	
- Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Xây Dựng Thanh Dương	687.620.000	687.620.000	
- Công ty TNHH TV DV Xây Dựng Thủy Lợi Tân Anh Tú	496.556.403	496.556.403	
- Công ty Cổ Phần Hợp Doanh	481.689.900	481.689.900	
- Công ty TNHH TM và DV Huy Hoàng	444.435.500	444.435.500	
- Công ty TNHH TM Vật Liệu Xây Dựng An Khang	426.544.800	426.544.800	
- Xi Nghiệp Vật Tư và Dịch Vụ Thanh Hóa	384.371.790	384.371.790	
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Đại Thành	337.197.733	337.197.733	
- CN Công ty CP XNK VTTB ĐS - Xi nghiệp Cơ Khí Đồng Anh	287.430.000	287.430.000	
- Công ty TNHH Một Thành Viên Thịnh Hưng	267.054.500	267.054.500	
- Công ty Cổ Phần Nhân Luật Miền Tây	262.942.900	262.942.900	
- DNTN Thương Mại Dịch Vụ Đồng Thắng	206.100.000	206.100.000	
- Đặng Như Lộc	194.158.700	194.158.700	
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Xuân Vinh	193.013.085	193.013.085	
- Công ty Cổ Phần Bê Tông Nhôm Hội	181.045.500	181.045.500	
- Công ty TNHH Phát Triển XD Thương Mại Song Minh	180.712.200	180.712.200	
- Công ty CP Tổng Công ty Công Trình Đường Sắt	164.886.000	164.886.000	
- Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Minh Đức	154.749.000	154.749.000	
- Công ty Cổ Phần BETON 6	133.930.000	133.930.000	
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Sỹ Thủy	124.045.000	124.045.000	
- Công ty TNHH Một Thành Viên TM và DV Tổng Hợp Vương Phát	95.750.000	95.750.000	
- Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Phú Lâm	88.055.100	88.055.100	
- Công ty Cổ Phần XD TM Văn Tài	51.350.000	51.350.000	51.350.000
- Công ty TNHH Đức Thạnh	41.892.680	41.892.680	41.892.680
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Thương Mại AA	46.400.000	46.400.000	46.400.000
- Công ty TNHH XDCT & TM Hoàng Anh	122.156.000	122.156.000	222.156.000
- Trung Tâm Khoa Học Địa Chất - Công Trình	30.050.910	30.050.910	10.930.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3
Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty Cổ Phần Beton 6	766.729.725	766.729.725
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Phú Gia Khang K.T	393.470.000	393.470.000
- Công ty TNHH SX - TM Cao Su Kỹ Thuật Su Sơn	217.884.000	217.884.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Giao Thông 61	175.791.000	175.791.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Và Thương Mại Bình An	156.828.000	156.828.000
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Lâm Xiêu	105.401.090	105.401.090
- Công ty TNHH Xây Dựng Xứ Lý Môi Trường Tân Đại Dương	92.000.000	92.000.000
- Doanh Nghiệp Tư Nhân DV Vận Tài Đường Sông Thuận Thiên	34.000.000	34.000.000
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Tám Tuấn	22.184.900	22.184.900
- Công ty TNHH Kiên Ngọc Minh	8.835.124	8.835.124
* Phải trả người bán dài hạn	4.634.889.183	4.634.889.183
- Công ty TNHH SX Tân Gia Định	47.002.700	47.002.700
- Công ty CP Đầu tư Dịch Vụ Phan Vũ	64.373.400	64.373.400
- Công ty TNHH Bảo Toàn	141.315.350	141.315.350
- Công ty TNHH XD & TM Tuấn Tú	206.600.001	206.600.001
- Công ty TNHH MTV Lâm Dương Quảng trị	84.000.400	84.000.400
- Công ty TNHH MTV QLĐS Phú Khánh	64.108.000	64.108.000
- VLXD Dung	54.909.600	54.909.600
- Công ty TNHH XD TM & DV XNK Hải Sơn	83.901.973	83.901.973
- Công ty QLĐS Phú Khánh	117.876.000	117.876.000
- Công ty CP Đá Mỹ Trang	47.760.000	47.760.000
- Công ty TNHH MTV Vận tải hàng hóa ĐS	73.739.800	73.739.800
- DNTN Tân Phú Định	75.178.450	75.178.450
- CN Công ty CP SXTM Hữu nghị - NM Bình Dương	56.699.170	56.699.170
- Công ty TNHH SX TM XNK Đức Thịnh	1.193.714.016	1.193.714.016
- Công ty TNHH MTV TMDV & SX Hạo Đức	489.319.231	489.319.231
- Công ty CP Đầu tư TM Kim Bảo	324.708.155	324.708.155
- Công ty TNHH XD TM DV Khang Thái	98.062.750	98.062.750



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - Tp.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

- Công ty CP VLXD Thẻ giới Nhà	815.168.022	815.168.022
- Công ty CP XD CT hàng không 647	62.790.820	62.790.820
- Công ty TNHH MTV Vật tư ĐS Đà Nẵng	445.936.345	445.936.345
- Công ty TNHH XD TM DV Linh Tú	87.725.000	87.725.000

Cộng

129.904.789.491	129.904.789.491	44.064.964.750	44.064.964.750
-----------------	-----------------	----------------	----------------

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

* Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Cầu Sa dec
- Cầu Hồng Ngự
- SC hư hỏng kết thúc BHCT gói 6B theo QĐ 1579
- Gói 11: Biểu Nghi - Hạ Long
- Gói 1: Nâng cấp MR bến phà Cát Lái
- Gói 9: TCXD CT GT DA MR đường Trần Quốc Toản - Đà Lạt
- Công trình công hộp km 1705+840
- Thi công phần thô nhà Papihot A,B
- Chế tạo thanh giằng cho hầm đào hào hố - DA ĐS metro
- Gói thầu XL CP1D- XD 7 cầu ĐS
- Gói số 1 cầu Rạch tre, cá ngừ
- Các công trình gói CP2 - Yên Bái
- Các công trình khác
- Ban quản lý dự án nâng cấp đô thị Thành Phố Cao Lãnh
- Ban Quản Lý Dự án Xây Dựng Công Trình Giao Thông
- Công trình Cầu Thống Linh, Cổng Đập Đá
- Công ty TNHH quản lý XD Vincom
- Liên danh Namkwang - Sampyo
- CN Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp 26-3
- Liên Danh Lotte - Sampyo

Số cuối năm	Số đầu năm
52.707.045.674	68.137.802.226
4.879.543.000	16.786.283.000
	6.759.664.000
990.079.000	990.079.000
	3.423.600.000
2.018.864.000	
763.690.340	
750.000.000	
1.216.098.555	
280.029.845	
1.515.128.950	
2.469.724	2.469.724
	26.670.138.965
2.938.909.000	6.611.111.000
129.176.907	129.176.907
	343.887.000
927.329.019	
	2.307.934.720
90.357.000	90.357.000
732.223.234	1.471.985.184



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Lương phải trả công nhân viên

Cộng

Số cuối năm

11.896.527.554

Số đầu năm

17.483.428.981

11.896.527.55417.483.428.981**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

* Chi phí phải trả ngắn hạn

- Trích trước chi phí công trình

* Chi phí phải trả dài hạn

- Trích trước chi phí công trình

Cộng

Số cuối năm

40.056.078.553

Số đầu năm

24.133.839.418

40.056.078.553

24.133.839.418

7.334.325.077

7.334.325.077

47.390.403.63024.133.839.418**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

* Phải trả ngắn hạn khác

- Kinh phí Công đoàn

- Bảo hiểm Xã hội

- Bảo hiểm Y tế

- Bảo hiểm Thất nghiệp

- Thuế thu nhập cá nhân

- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

* Phải trả nội bộ ngắn hạn

- Tổng Công ty Đường Sắt Việt Nam

* Phải trả dài hạn khác

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

- Tiền nhận đặt cọc cho thuê mặt bằng

Cộng

Số cuối năm

40.688.312.890

Số đầu năm

33.171.007.316

304.507.090

152.315.577

553.016.997

716.580.244

64.084.013

129.087.370

36.962.981

36.304.950

352.216.980

39.377.524.829

32.136.719.175

9.108.446.357

9.118.846.357

9.108.446.357

9.118.846.357

1.425.182.548

45.603.898

1.379.578.650

45.603.898

45.603.898

51.221.941.79542.335.457.571**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

- Dự phòng phải trả khác

Cộng

Số cuối năm

2.000.000.000

Số đầu năm

5.000.000.000

2.000.000.0005.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

20. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
* Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	22%	22%
- Khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.733.938.267	5.477.092.235
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	601.466.419	1.204.960.292
- Phát sinh từ lãi chưa thực hiện trong giao dịch bán TSCĐ	601.466.419	815.560.724
- Phát sinh từ lãi chưa thực hiện trong HTK chưa bán		389.399.568
Cộng	601.466.419	1.204.960.292

*** Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	50.640.486	
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	10.128.097	
- Phát sinh từ lỗ chưa thực hiện trong giao dịch bán TSCĐ	10.128.097	
Cộng	10.128.097	

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI, BAN ĐIỀU HÀNH

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.016.518.705	2.509.290.495
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	126.526.656	214.526.656
Cộng	1.143.045.361	2.723.817.151



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH 3

Địa chỉ: Số 136/1 Trần Phú - Phường 4 - Quận 5 - TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a/ Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Số dư đầu năm trước	55.609.980.000	1.694.645.000	27.314.822.335	(930.000)	1.622.907.459	14.939.196.665	14.162.085.984	115.332.707.443
- Tăng vốn trong năm trước	5.559.940.000							5.559.940.000
- Lãi trong năm trước			2.708.129.889		5.000	6.601.078.819	2.450.451.412	9.051.530.231
- Tổng khác						6.424.812.524		9.132.947.413
- Giảm vốn trong năm trước								
- Lỗ trong năm trước								
- Giảm khác								
Số dư đầu năm nay	61.169.920.000	1.694.645.000	30.022.952.224	(930.000)	1.622.912.459	10.757.925.059	16.612.537.396	121.879.962.138
- Tăng vốn trong năm nay	18.830.040.000	3.766.016.000					574.620.000	23.170.716.000
- Lãi trong năm nay			235.950.000				2.359.215.617	15.335.487.938
- Tổng khác							207.701.977	1.894.951.977
- Giảm vốn trong năm nay								
- Lỗ trong năm nay								
- Giảm khác (*)		64.500.000			5.000		2.448.311.000	14.150.961.427
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	5.396.161.000	30.258.902.224	(930.000)	1.622.907.459	13.547.351.953	17.305.763.990	148.130.156.626

Ghi chú: (*) Chỉ tiết các khoản giảm khác của lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm theo Nghị Quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 gồm:

* Công ty CP ĐT & XD Công trình 3

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành
- Cổ tức năm 2014 phải trả cho các cổ đông

Cộng

1.557.000.000
208.000.000
9.481.193.450
11.246.193.450

* Công ty CP Công trình Thành Phát

- Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2014
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành
- Cổ tức năm 2014 phải trả cho các cổ đông

Cộng

429.000.000
200.000.000
57.000.000
1.529.580.000
2.215.580.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

b/ Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của Công ty mẹ	25%	19.739.180.000	26.519.180.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	75%	60.260.820.000	34.650.740.000
Cộng	100%	80.000.000.000	61.169.920.000

c/ Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	61.169.920.000	55.609.980.000
+ Vốn góp tăng trong năm	18.830.080.000	5.559.940.000
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	80.000.000.000	61.169.920.000

- Cổ tức lợi nhuận đã chia

d/ Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	80.000.000	6.116.992
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	80.000.000	6.116.992
+ Cổ phiếu phổ thông	80.000.000	6.116.992
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	93	93
+ Cổ phiếu phổ thông	93	93
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	79.999.907	6.116.899
+ Cổ phiếu phổ thông	79.999.907	6.116.899
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

e/ Các quỹ của doanh nghiệp	30.258.902.224	30.022.952.224
- Quỹ Đầu tư phát triển	30.258.902.224	30.022.952.224

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

* Nợ khó đòi, đã xử lý	Cuối năm	Đầu năm
	211.070.803	211.070.803
Cộng	211.070.803	211.070.803

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	5.738.013.975	4.543.033.692
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	554.846.522.883	481.374.270.236
Cộng	560.584.536.858	485.917.303.928

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán & cung cấp dịch vụ	3.503.606.810	4.427.450.156
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	505.185.226.136	429.733.681.752
Cộng	508.688.832.946	434.161.131.908



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Cộng

Năm nay

652.012.990

Năm trước

518.632.073

652.012.990518.632.073**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền vay

Cộng

Năm nay

16.254.843.414

Năm trước

16.554.177.182

16.254.843.41416.554.177.182**5. THU NHẬP KHÁC**

- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng

- Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Thu nhập từ cho thuê máy móc, vật tư

- Tiền thưởng hoàn thành tiến độ

- Hoàn nhập Thuế GTGT bị loại trừ

- Thu nhập khác

Cộng

Năm nay

48.000.000

Năm trước

48.000.001

136.363.636

945.028.678

180.000.000

600.000.000

387.247.087

867.378

1.339.844.156

752.478.1012.932.872.835**6. CHI PHÍ KHÁC**

- Chi phí cho thuê mặt bằng

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Chi phí cho thuê MMTB & vật tư

- Chi phí nộp phạt về thuế & truy thu thuế

- Chi phí khác

Cộng

Năm nay

451.124.638

Năm trước

24.000.000

253.909.850

845.570.365

79.192.321

1.805.617.439

530.316.9592.929.097.654**7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

* Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí khấu hao TSCĐ quản lý

- Thuế và lệ phí

- Chi phí dự phòng

- Chi phí thù lao HĐQT

- Các khoản chi phí QLDN khác

Cộng

Năm nay

6.407.621.952

Năm trước

12.924.372.279

1.669.253.482

1.743.812.069

1.485.732.242

1.324.626.575

2.000.000.000

5.000.000.000

695.760.000

688.500.000

4.243.588.175

2.754.756.533

16.501.955.85124.436.067.456**8. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu

- Chi phí nhân công

- Chi phí máy

Trong đó: Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

Năm nay

282.912.911.368

Năm trước

242.224.676.801

125.332.651.759

127.572.036.678

53.713.154.405

49.247.575.851

14.307.869.534

17.886.134.912

1.302.511.086

4.115.268.971

45.427.604.328

35.437.641.062

508.688.832.946458.597.199.363

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành

Cộng

Năm nay

Năm trước

4.063.968.871

4.104.992.602

4.063.968.871

4.104.992.602

10. CHI PHÍ THUẾ TNDN HOÀN LẠI

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Cộng

Năm nay

Năm trước

613.621.970

1.204.960.292

613.621.970

1.204.960.292

11. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT

* Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

- Công ty CP ĐT & XD Công trình 3

- Công ty CP XD Công trình Trường Lộc

- Công ty CP Công trình Thành Phát

Cộng

Năm nay

Năm trước

370.260.000

390.000.000

150.000.000

150.000.000

175.000.000

148.500.000

695.260.000

688.500.000

Trong đó: Chi phí cho thành viên HĐQT & BKS không tham gia SXKD

106.150.000

69.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG**1- Giao dịch giữa các bên liên quan:**

Trong năm 2015, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
Công ty CP XD Công trình Trường Lộc	Công ty con	Nhận nợ công ty con	
		Mua hàng hóa và dịch vụ từ công ty con	
		Giá trị CT công ty con đã thực hiện	110.894.081.341
		Ghi nợ công ty con	
		Nhượng bán vật tư và dịch vụ TN	26.933.075.738
		Giá trị công trình CT 3 thực hiện	7.354.845.686
Công ty CP Công trình Thành Phát	Công ty con	Nhận nợ công ty con	
		Mua hàng hóa và dịch vụ từ cty con	
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	40.172.749.784
		Ghi nợ công ty con	
		Nhượng bán vật tư và dịch vụ TN	10.430.324.585
		Giá trị công trình CT 3 thực hiện	9.600.341.723
		Hoạt động khác	614.994.400
Công ty CP XD Công trình Nam Tiến	Công ty con	Lãi vay	1.019.901.000
		Giá trị công trình công ty con đã thực hiện	20.115.166.734
		Hoạt động khác (cho thuê MB)	52.800.000
		Dịch vụ thí nghiệm	49.158.960
		Lãi vay	403.307.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính 2015, công nợ phải thu, phải trả với các bên có liên quan như sau:

501172
CÔNG TY
THÀNH
VỤ TƯ
TÍNH KẾ
KIỂM TÍ
IÍA NA
TP. HC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Công ty CP Xây dựng Công trình Trường Lộc	Số tiền (VND)
Phải thu khác (tiền cho thuê tài sản & thí nghiệm)	14.310.864.227
Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)	(7.270.166.565)
Phải thu khác (khối lượng công trình)	1.800.000.000
Phải thu khác (nợ lãi vay)	
Cộng	8.840.697.662
Công ty CP Công trình Thành Phát	Số tiền (VND)
Phải thu khác (tiền cho thuê tài sản & thí nghiệm)	1.012.716.159
Phải thu khác (tiền bán hàng hóa, vật tư, tài sản)	6.125.396.204
Phải thu khác (khối lượng công trình)	9.000.000.000
Phải thu khác (nợ lãi vay, thuê mặt bằng)	939.002.200
Cộng	17.077.114.563
Công ty CP Xây dựng Công trình Nam Tiến	Số tiền (VND)
Phải thu khác (tiền cho thuê tài sản & thí nghiệm)	111.372.675
Phải thu khác (tiền vay thí công công trình)	6.000.000.000
Phải thu khác (khối lượng công trình)	(9.512.452.531)
Phải thu khác (nợ lãi vay, thuê mặt bằng)	641.017.000
Cộng	(2.760.062.856)
Công ty TNHH MTV cơ khí và xây dựng	Số tiền (VND)
Phải trả khác (tạm ứng theo HĐ)	800.000.000
Cộng	800.000.000



2. Báo cáo bộ phận

- Về lĩnh vực kinh doanh:

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng.

- Về khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất của Công ty nằm trong phạm vi cả nước;

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận.

Nhằm phục vụ cho mục đích quản lý, công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc nên việc báo cáo bộ phận được phân chia theo ngành hàng kinh doanh như sau:

Xây dựng và sản xuất và dịch vụ khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Chỉ tiêu	Xây dựng	Sản xuất, dịch vụ khác	Tổng Cộng
A- Kết quả			
1- Doanh thu	554.846.522.883	5.738.013.975	560.584.536.858
2- Chi phí	505.185.226.136	3.503.606.810	508.688.832.946
- Chi phí phân bổ trực tiếp (gồm cả giá vốn)	505.185.226.136	3.503.606.810	508.688.832.946
- Chi phí bán hàng			
3- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.661.296.747	2.234.407.165	51.895.703.912
B- Tổng giá trị của tài sản bộ phận	691.298.578.929	636.582.100	691.935.161.029
C- Nợ phải trả của bộ phận	543.805.004.403		543.805.004.403
D- Tổng chi phí phát sinh trong niên độ để mua TSCĐ			
E- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ chi phí trả	22.690.671.516	173.474.099	15.162.694.353
- Tổng chi phí khấu hao TSCĐ	14.989.220.254	173.474.099	15.162.694.353
- Tổng chi phí phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.701.451.262		

3. Công cụ tài chính*** Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của Nhà nước và vốn thuộc sở hữu của các cổ đông thiểu số tại các Công

*** Các chính sách kế toán chủ yếu**

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và Thuyết minh các công cụ tài chính trên báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp

*** Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.627.368.036	51.930.477.820	72.627.368.036	51.930.477.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	301.504.165.965	178.459.064.383	301.504.165.965	178.459.064.383
Đầu tư ngắn hạn	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
Đầu tư dài hạn			-	-
Tài sản tài chính khác			-	-
Tổng Cộng	178.439.493.940	135.942.058.139	178.439.493.940	135.942.058.139
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay và nợ	242.037.708.005	169.535.898.912	242.037.708.005	169.535.898.912
Phải trả người bán và phải trả khác	172.018.284.929	77.235.972.066	172.018.284.929	77.235.972.066
Phải trả người lao động	11.896.527.554	17.483.428.981	11.896.527.554	17.483.428.981
Chi phí phải trả	47.390.403.630	24.133.839.418	47.390.403.630	24.133.839.418
Tổng Cộng	288.434.743.275	326.993.558.563	288.434.743.275	326.993.558.563



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn hạn.

Ngoại trừ các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc 31/12/2015 do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày 31/12/2015.

* Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng:

Các khoản phải thu khách hàng đều là khoản phải thu khối lượng các công trình đã được chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng:

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

* Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty hiện tại không có do Công ty có nguồn tiền có thể đáp ứng được cho các khoản thanh toán.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.627.368.036		72.627.368.036
Phải thu khách hàng và phải thu khác	296.134.286.646	5.369.879.319	301.504.165.965
Đầu tư ngắn hạn	2.800.000.000		2.800.000.000
Đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	371.561.654.682	5.369.879.319	376.931.534.001
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.930.477.820		51.930.477.820
Phải thu khách hàng và phải thu khác	178.377.487.844	81.576.539	178.459.064.383
Đầu tư ngắn hạn	2.800.000.000	-	2.800.000.000
Đầu tư dài hạn		-	-
Tài sản tài chính khác			-
Tổng cộng	233.107.965.664	81.576.539	233.189.542.203

*** Quản lý rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác. Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần.

Rủi ro ngoại tệ:

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái.

Công ty không phát sinh giao dịch ngoại tệ nên Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

Rủi ro lãi suất:

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu là liên quan đến các khoản vay. Công ty phát sinh khoản vay nên rủi ro lãi suất là không cao.

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỉ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính công ty.

4- Số liệu so sánh

Số dư đầu năm trên Báo cáo tài chính năm 2015 là số dư cuối năm trên Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS). Số dư đầu năm 2015 đã được phân loại và trình bày lại theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 161/2007/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Đoàn Văn Nghị

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Kim Chinh



Lập ngày 31 tháng 03 năm 2016

Chủ tịch HĐQT

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phạm Văn Thủy

